

Họ tên: \_\_\_\_\_

**ĐIỂM**

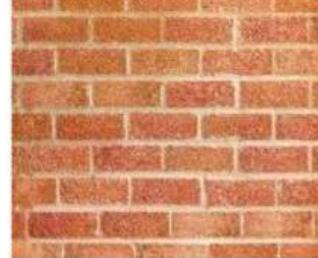
**BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ THÁNG 10**  
**LỚP 2017 A1 ONL – 10/2024**

**PART A. VOCABULARY**

**Exercise 1. Fill in the blanks.**

1. \_\_\_\_\_ (n) : thời gian/ \_\_\_\_\_ : làn
2. \_\_\_\_\_ (n) : bàn làm việc
3. \_\_\_\_\_ (n): bầu trời
4. \_\_\_\_\_ (n): người chơi
5. \_\_\_\_\_ (n): phòng
6. \_\_\_\_\_ : đù
7. \_\_\_\_\_ : uống
8. \_\_\_\_\_ : nổi tiếng
9. \_\_\_\_\_ : mỗi
10. \_\_\_\_\_ : đọc
11. \_\_\_\_\_ : đại từ chỉ định
11. \_\_\_\_\_ (n) : 1 chiếc lá  \_\_\_\_\_ : nhiều chiếc lá

Exercise 2. Look and write. (Nhìn và viết)

|   |   |   |
|---|---|---|
|    |    |    |
| .....   | .....   | .....   |
|    |    |    |
| .....   | .....   | .....   |
|  |  |  |
| .....   | .....   | .....   |

## PART B. GRAMMAR

### Exercise 1. Circle the correct answers. (Khoanh tròn đáp án đúng.)

|    |                 |                            |                             |
|----|-----------------|----------------------------|-----------------------------|
| 1. | What is that?   | a. This is his nose.       | b. That is his nose.        |
| 2. | What are these? | a. These is a burger.      | b. These are burgers.       |
| 3. | What is this?   | a. This is a refrigerator. | b. This is a refrigerators. |
| 4. | Who are those?  | a. Those are my cousins.   | b. Those are my cousin.     |
| 5. | What is this?   | a. This is a olive.        | b. This is an olive.        |

### Exercise 2. Fill in the blanks with “This/ That/ These/ Those”. (Điền “This/ That/ These/ Those”).

|     |  |   |
|-----|--|---|
| 01. | _____ person is my friend.                   |     |
| 02. | _____ plates are under the table.            |    |
| 03. | _____ cherry is so sweet.                    |   |
| 04. | _____ cushions on the sofa look comfortable. |  |
| 05. | _____ pears are fresh.                       |   |
| 06. | _____ fans are too far away.                 |  |

07. \_\_\_\_\_ teaspoon is too small.



08. \_\_\_\_\_ television is so big!



09. \_\_\_\_\_ hot dogs are delicious!



10. \_\_\_\_\_ rug over there is really dirty.


**Exercise 3. Match the questions to their answers. (Nối câu hỏi với câu trả lời thích hợp)**

|   |
|---|
| 1. How many kiwis do you have?                |
| 2. How much does it cost?                     |
| 3. How many armchairs will they buy?          |
| 4. How much sugar does Linda like in her tea? |
| 5. How many members are there in your team?   |

|                      |
|----------------------|
| A. 15 members.       |
| B. I have ten kiwis. |
| C. Three armchairs.  |
| D. Two teaspoons.    |
| E. \$200             |

**Exercise 4. Fill in the blanks with “How much/ How many”. (Điền vào chỗ trống với “How much/ How many”).**

- \_\_\_\_\_ bowls are there on the table?
- \_\_\_\_\_ is this umbrella?
- \_\_\_\_\_ sisters do you have?
- \_\_\_\_\_ rice in the jar?
- \_\_\_\_\_ air do we need to fill up this balloon?

**Exercise 5. Put the words in brackets into the correct forms. (Cho dạng đúng của từ trong ngoặc.)**

1. How many \_\_\_\_\_ (box) do you have?
2. How much \_\_\_\_\_ (water) do you drink every day?
3. We want to read many \_\_\_\_\_ (book).
4. How many \_\_\_\_\_ (hour) does she sleep every night?
5. There aren't many \_\_\_\_\_ (sheep) here.

~~~~~ THE END ~~~~~